TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-PT
Ngày 23-01-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan;

Ông Trần Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Anh Tuấn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 14-9-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2019/QĐ-PT ngày 02-01-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐ-PT, ngày 17/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1943 và bà Đào Thị L, sinh năm 1947; cùng cư trú tại: Tổ 4, phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc P, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 127/9 đường NT, tổ 4, phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (Theo giấy ủy quyền ngày 15-01-2018).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1928; cư trú tại: Tổ 4, phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970; cư trú tại: Tổ 4, phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (Theo giấy ủy quyền ngày 11-12-2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc Ất - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ: Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, số 108 đường Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970;

2. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1969;

3. Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1992;

4. Anh Nguyễn Ngọc Phúc T2, sinh năm 1994;

5. Chị Nguyễn Ngọc Minh P2, sinh năm 2005;

Cùng cư trú tại: Tổ 4, phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1972;

7. Chị Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1974;

Cùng cư trú tại: Số 50/3C Ấp VH, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P1, chị Nguyễn Thị Minh N, anh Nguyễn Ngọc Phúc T2, anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Mỹ L1: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970; cư trú tại: Tổ 4, phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi. (Theo giấy ủy quyền ngày 11-12-2017).

8. Công ty CP CT 2;

Địa chỉ: Số 47, đường TS, phường TB, quận HC, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn N - Chức vụ: Giám đốc.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Văn L2, sinh năm 1930;

2. Bà Trần Thị Hồng T3, sinh năm 1944;

Cùng cư trú tại: Tổ 4, phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Ông Hồ Ngọc P, sinh năm 1966, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C và bà Đào Thị L; cư trú tại: Tổ 4, phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2017, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Đào Thị L là ông Hồ Ngọc P trình bày:

Diện tích ½ gian nhà xây tường gạch, mái lợp tranh, nền tráng xi măng chiều ngang 1,5m, chiều dài xây dựng là 9m nằm trên đất, cộng với phần đất phía sau nhà dài 10m, ngang 1,5m, phần đất phía trước dài 8m, ngang 1,5m nằm trong thửa đất số 1782 nay là thửa đất số 7, tờ bản đồ số 41 (đo vẽ năm 2016), tại phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc là của vợ chồng ông Lê Văn C, bà Đào Thị L được Công ty Công trình đường sắt 2 Đà Nẵng bán nhượng nhà và cây ăn quả cho vợ chồng nguyên đơn vào năm 1981. Gia đình ông Nguyễn G và bà Nguyễn Thị T cũng được bán nhượng nhà như vợ chồng nguyên đơn. Tuy nhiên, khi vợ chồng bị đơn dọn vào ở thì chiếm luôn ½ gian nhà của vợ chồng nguyên đơn. Vì vậy, ông Lê Văn C, bà Đào Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho ông C, bà L ½ gian nhà chiều ngang 1,5m, chiều dài 9m, tường xây gạch, mái lợp tranh nằm trong thửa đất số 1782, tờ bản đồ số 3 (đo vẽ năm 1993), nay là thửa đất số 7, tờ bản đồ số 41 (đo vẽ năm 2016), tại phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Thúy Lân cạnh 9m; phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị T cạnh 9m; phía Nam giáp đất của bà Nguyễn Thị Minh Quyết cạnh 1,5m; phía Bắc giáp phần đất của ông C được giao theo biên bản nhượng nhà (hiện bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng) cạnh 1,5m.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải tháo dỡ công trình mái lợp tôn và công trình nhà bếp trả lại diện tích đất phía sau ½ gian nhà chiều dài là 10m và diện tích đất phía phía trước ½ gian nhà chiều dài là 8m, chiều ngang là 1,5m nằm trong thửa đất số 1782, tờ bản đồ số 3 (đo vẽ năm 1993), nay là thửa đất số 7, tờ bản đồ số 41 (đo vẽ năm 2016), tại phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T trả ½ gian nhà và quyền sử dụng đất bằng giá trị theo chứng thư thẩm định giá số 0602.1/CT/TVĐN ngày 02-6-2018 của Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Đà Nẵng.

Tại bản tự khai ngày 18-01-2018, biên bản hòa giải ngày 17-5-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất phía phía trước ½ gian nhà chiều dài là 8m, chiều ngang là 1,5m.

Tại bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P1, chị Nguyễn Ngọc Minh N, anh Nguyễn Ngọc Phúc T2, ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Mỹ L ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Theo biên bản số 201/HCT/CT về việc nhượng nhà ở cho cán bộ công nhân viên thì ông C được mua 1,5 gian nhà. Tuy nhiên, do ông C không có nhu cầu nên để cho ông G mua ½ gian nhà của ông C. Vì vậy, ông C chỉ nộp tiền mua 01 gian nhà, còn ông G, bà T nộp tiền mua 02 gian nhà và 02 cây dừa. Do ông C chưa nộp tiền nên ½ gian nhà chưa thuộc quyền sở hữu của ông C. Vì vậy ông C, bà L không có quyền đòi lại tài sản. Hơn nữa, ngày 01-7-2004 ông Lê Văn C viết giấy xác nhận có nội dung để cho gia đình ông G 0,5 gian nhà để sử dụng cho tiện.

Nay ông C, bà L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T tháo dỡ phần mái ngói lợp trên ½ gian nhà và tháo dỡ phần công trình xây dựng trên diện tích đất phía trước, phía sau của ½ gian nhà để trả lại cho ông C, bà L ½ gian nhà và diện tích đất phía trước, phía sau ½ gian nhà là không có căn cứ nên bị đơn không chấp nhận.

Tại công văn số 29/CV-CT2 ngày 07-8-2018, Công ty CP CT 2 trình bày:

Hiện nay những thế hệ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên làm việc trong thời kỳ năm 1981 hầu hết đã nghỉ việc, các cán bộ lãnh đạo thời kỳ đó đã qua đời, hồ sơ lưu trữ không còn. Thế hệ lãnh đạo Công ty tiếp nhận sau này không nắm bắt được việc nhượng nhà ở cho cán bộ công nhân viên ở thời kỳ trước đó. Vì vậy, Công ty CP CT 2 không có ý kiến gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C, bà Đào Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị T phải tháo dỡ phần mái ngói lợp trên ½ gian nhà và phần công trình xây dựng thêm trên diện tích đất phía sau của ½ gian nhà để trả lại cho ông C, bà L ½ gian nhà gắn liền với diện tích đất 32,3m^2, thuộc thửa đất 1782,

tờ bản đồ số 3 (đo vẽ năm 1993), nay là thửa đất số 7, tờ bản đồ số 41 (đo vẽ năm 2016), tại phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Bắc và phía Tây giáp phần nhà, đất còn lại của bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng; phía Đông giáp nhà bà Nguyễn Thị Thúy Lân, phía Nam giáp nhà bà Nguyễn Thị Minh Quyết.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Đào Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị T trả phần diện tích đất phía trước ½ gian nhà có chiều dài là 8m, chiều ngang là 1,5m, thuộc thửa đất 1782, tờ bản đồ số 3 (đo vẽ năm 1993), nay là thửa đất số 7, tờ bản đồ số 41 (đo vẽ năm 2016), tại phường Q, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn C, bà Đào Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc 4.000.000đồng (bốn triệu đồng), chi phí định giá tài sản 1.000.000đồng (một triệu đồng) và chi phí thẩm định giá tài sản 3.000.000đồng (ba triệu đồng). Ông C, bà L đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 19-9-2018 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C và bà Đào Thị L có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung ngày 28/9/2018, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa bản án dân sự sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C và bà Đào Thị L, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại tài sản là ½ gian nhà và diện tích đất phía sau ½ gian nhà có chiều dài 10m và chiều rộng 1,5m nhưng yêu cầu được nhận giá trị là 196.255.000 đồng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị T tại phiên tòa phúc thẩm:

Mặc dù theo biên bản nhượng nhà ở cho cán bộ công nhân viên số 201/HCT/CT ngày 20-8-1981 thì ông Lê Văn C được Công ty công trình đường sắt 2 nhượng cho 1,5 gian nhà, diện tích đất phía sau tính từ hiên nhà ra 10m, diện tích đất phía trước tính từ hiên nhà ra đến hết nền nhà ăn cũ; ông Nguyễn G được Công ty công trình đường sắt 2 nhượng cho 1,5 gian nhà kế tiếp ông C, diện tích đất trước và sau giống như ông C, giá mỗi gian nhà 150đồng. Tuy nhiên, do ông C không có nhu cầu về nhà ở nên chỉ mua 01 gian nhà và đồng ý để cho ông G mua ½ gian nhà mà ông C được mua. Vì vậy, ngày 21-10-1981 ông G đã nộp tiền mua 02 gian nhà (gồm gian số 04 và gian số 05) là 300đồng, đến ngày 19-12-1981 ông G nộp tiền mua 02 cây dừa là 100đồng. Sau khi nộp tiền mua 02 gian nhà thì gia đình ông G chuyển từ Tam Kỳ vào sinh sống ổn định, liên tục không có ai tranh

chấp. Ngày 06-5-1998 bà Nguyễn Thị Thúy Lân, ông Đặng Văn Tin và ông Nguyễn Đường tranh chấp đất với gia đình ông G. Ngày 14-01-1999 Ủy ban nhân dân xã Q có thông báo số 01/TB-UB bác đơn của bà Lân, ông Tin và ông Đường vì tranh chấp không có cơ sở. Do ông C không nộp tiền mua ½ gian nhà và cây dừa mà ông C được mua theo biên bản nhượng nhà ở cho cán bộ công nhân viên ngày 20-8-1981 nên ½ gian nhà và diện tích đất phía trước, phía sau ½ gian nhà chưa thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn C. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông C, bà L.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định tại các Điều 285, 286, 290, 292, 293, 297, 298, 302 và 305 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72,73,75,76 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn C, bà Đào Thị L làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

- Về nội dung: Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty CP CT 2 tham gia phiên tòa, nhưng Công ty CP CT 2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty CP CT 2 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Căn cứ nội dung Biên bản nhượng nhà số 210KHCT/CT ngày 20-8-1981 (Bút lục số 14): *"Biên bản được lập thành 06 bản, gởi mỗi người 1 bản phòng tài vụ để thanh toán tiền"* thì thấy rằng tại thời điểm lập biên bản những người mua nhà chưa thanh toán tiền mua nhà, mua cây dừa. Đến ngày 21-10-1981 ông Nguyễn G nộp 300 đồng để mua 02 gian nhà và ngày 19-12-1981 nộp tiền mua 02

cây dừa (Bút lục số 58). Phía nguyên đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh đã nộp tiền mua nhà theo Biên bản nhượng nhà số 210KHCT/CT ngày 20-8-1981 nên không chứng minh được quyền sở hữu, sử dụng đối với phần nhà, đất tranh chấp.

[3] Sau khi mua nhà, vợ chồng ông Nguyễn G, bà Nguyễn Thị T đã dọn vào ở trong 02 gian nhà, trong đó có 1,5 gian nhà mà ông G được mua theo tiêu chuẩn và ½ gian nhà liền kề được ông C nhượng lại tiêu chuẩn mua. Năm 1982, ông Nguyễn G sửa chữa lại nhà, xây thêm tường, thay mái nhà bằng ngói, lát lại nền nhà bằng gạch hoa, xây dựng công trình phụ trên diện tích đất phía sau 02 gian nhà rồi chuyển gia đình từ Tam Kỳ vào ở trên 02 gian nhà đã mua và quản lý, sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Ngoài ra, gia đình ông G còn sử dụng phần diện tích đất trước nhà (đất nền nhà ăn cũ) xây dựng công trình phụ chăn nuôi bò, heo, sau đó sử dụng làm nơi sản xuất, sửa chữa bàn bi da.

[4] Ngày 01-7-2004, ông C đã viết giấy xác nhận có nội dung: *"Căn cứ vào biên bản nhượng nhà của CTCTĐS2 ngày 02-11-1981 Trong đó tôi và ông G mỗi người 1,5 gian. Tôi đã nhượng lại cho ông Hồ Văn Cường 1 gian, còn lại 0,5 gian mà hiện nay gia đình ông G đã dùng cả 2 gian. Nay tôi để lại cho gia đình ông G 0,5 gian để sử dụng cho tiện. Vậy Tôi làm giấy này xác nhận việc trên là đúng; để gia đình ông G làm giấy tờ sử dụng dễ dàng"*, nội dung Giấy xác nhận này chỉ xác nhận lại sự kiện đã diễn ra trước đó chứ không phải chuyển nhượng, mua bán nhà và quyền sử dụng đất.

[5] Ngày 15-11-2004 Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị T (Vợ ông Nguyễn G), trong đó có phần diện tích đất của 02 gian nhà và diện tích đất phía sau 02 gian nhà mà gia đình bà T đang quản lý, sử dụng.

[6] Như vậy, từ sau khi được nhượng nhà năm 1981 đến trước tháng 7 năm 2008 ông Lê Văn C, bà Đào Thị L không có tranh chấp, khiếu nại; căn cứ Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện số 134/TB-TA ngày 31-7-2008 do nguyên đơn cung cấp thì đến ngày 13-7-2008 bà L mới gửi đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp đòi bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 trả lại nhà.

[7] Việc ông G mua 2 gian nhà, trong đó có 0,5 gian nhà được ông C nhường lại tiêu chuẩn mua vào năm 1981 hoàn toàn phù hợp với các phiếu thu ngày 21-10-1981, ngày 19-12-1981, quá trình sửa chữa quản lý, sử dụng nhà đất ổn định sau khi mua, Giấy xác nhận ngày 01-7-2004 của ông C, Giấy xác nhận ngày 30-9-2006 của ông Phan Đình Tùng - nguyên là Phó giám đốc Công ty CT ĐS 2 - (Bút lục số 46) và Giấy xác nhận ngày 18-10-2006 của Công ty CP CT 2

(Bút lục số 45).

[8] Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí: Ông Lê Văn C, bà Đào Thị L là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông C, bà L là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn C, bà Đào Thị L.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Giang